

Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ
ĐẠI DƯƠNG**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 33

0011
CÔNG
TÁC NH
ĐỀ
VIỆ
HƯNG D

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Trọng Nam	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2014)
Ông Hà Văn Thắm (*) (**)	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Lê Thị Ánh Tuyết	Thành viên (Hết nhiệm kỳ ngày 27 tháng 4 năm 2014)
Ông Huỳnh Trung Nam	Thành viên (Từ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2014)
Ông Phó Thiên Sơn	Thành viên (Từ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2014)
Ông Sven Albert Saebel	Thành viên (Từ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2015)
Ông Dương Trọng Nghĩa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2014, từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Hương Giang (**)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2015, miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Dương Tuệ Minh (**)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015, miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Quang Thụ (**)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Dung (**)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Lan Hương (**)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)

Ban Giám đốc

Ông Sven Albert Saebel	Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2015)
Bà Lê Hà Quế	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2014, miễn nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2014)
Bà Dương Tuệ Minh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015)

(*) Ngày 24 tháng 10 năm 2014, Ông Hà Văn Thắm - Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty đã bị khởi tố và bắt tạm giam do bị cáo buộc tội danh “vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” với tư cách là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Ngân hàng TMCP Đại Dương (bên liên kết của Công ty).

(**) Theo Công bố thông tin bất thường của Công ty ngày 19 tháng 6 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua việc miễn nhiệm tư cách chủ tịch thành viên và thành viên Hội đồng Quản trị đối với Ông Hà Văn Thắm, miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng Quản trị đối với Bà Nguyễn Thị Hương Giang, Bà Dương Tuệ Minh và bổ nhiệm Ông Lê Quang Thụ, Bà Nguyễn Thị Dung và Bà Nguyễn Thị Lan Hương vào danh sách thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2014-2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng,



Hoàng Thị Thu Hằng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 7 năm 2015



Hà Trọng Nam
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: 165 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 06 tháng 7 năm 2015, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty đang ghi nhận một khoản trả trước cho Công ty TNHH Một thành viên Du lịch và Xúc tiến đầu tư Viptour với số tiền 38.567.900.000 VND trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện khoản đặt cọc theo Hợp đồng số 05/HĐCN/OCH-VIPTOUR ngày 16 tháng 5 năm 2012 về việc chuyển nhượng 4.055.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour-Togi, công ty con của Công ty. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty vẫn đang yêu cầu Công ty Viptour cung cấp thông tin và tài liệu về giao dịch này. Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của khoản ứng trước này bằng các thủ tục kiểm toán thay thế. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty có khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH VNT được ghi nhận với giá trị 204.000.000.000 VND trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 3008/2013/HTĐT/VNT-OCH ngày 30 tháng 8 năm 2013 để thực hiện Dự án Khu số 1 thuộc khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty vẫn đang yêu cầu Công ty TNHH VNT cung cấp thông tin và tài liệu về giao dịch này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi cũng như giá trị có thể thực hiện được của dự án bằng các thủ tục kiểm toán thay thế. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 06 tháng 7 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Xuân Ánh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0723-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		605.956.205.698	1.112.524.837.586
I. Tiền	110	5	28.245.835.593	23.369.869.763
1. Tiền	111		28.245.835.593	23.369.869.763
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	40.000.000.000	283.893.549.831
1. Đầu tư ngắn hạn	121		40.000.000.000	283.893.549.831
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		267.012.289.819	555.896.818.965
1. Phải thu khách hàng	131	7	11.175.519.556	310.613.246.778
2. Trả trước cho người bán	132	8	38.835.163.587	62.750.636.400
3. Các khoản phải thu khác	135	9	345.163.054.604	182.532.935.787
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(128.161.447.928)	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	239.796.302.302	246.147.641.181
1. Hàng tồn kho	141		239.796.302.302	246.147.641.181
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.901.777.984	3.216.957.846
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.762.500	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		134.482.449	3.096.752.558
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		10.629.369.525	39.095.943
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		20.121.163.510	81.109.345
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		1.238.479.044.432	1.839.300.611.377
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.255.083.564	606.255.083.564
1. Phải thu dài hạn khác	218	12	506.255.083.564	606.255.083.564
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	12	(500.000.000.000)	-
II. Tài sản cố định	220		2.989.342.138	937.281.225
1. Tài sản cố định hữu hình	221		2.330.848.226	667.152.543
- Nguyên giá	222		2.738.451.446	742.092.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(407.603.220)	(74.940.257)
2. Tài sản cố định vô hình	227		85.397.846	-
- Nguyên giá	228		114.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(28.602.154)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		573.096.066	270.128.682
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.222.156.847.938	1.226.762.512.930
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	1.046.863.126.467	946.923.126.467
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	32.762.945.282	32.762.945.282
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	445.022.647.477	318.505.472.901
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(302.491.871.288)	(71.429.031.720)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		7.077.770.792	5.345.733.658
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	898.723.594	1.492.976.430
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	5.849.330.100	3.374.336.758
3. Tài sản dài hạn khác	268		329.717.098	478.420.470
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.844.435.250.130	2.951.825.448.963

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		495.418.390.044	704.255.705.717
I. Nợ ngắn hạn	310		480.687.091.738	689.439.350.357
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	168.908.785.784	413.865.206.213
2. Phải trả người bán	312		28.329.603.472	19.081.444.225
3. Người mua trả tiền trước	313	20	16.519.999	24.120.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	-	30.312.774.519
5. Phải trả người lao động	315		812.158.333	176.434.000
6. Chi phí phải trả	316	22	22.181.640.449	17.035.180.902
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	258.179.292.585	182.105.301.663
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.259.091.116	2.743.008.835
II. Nợ dài hạn	330		14.731.298.306	14.816.355.360
1. Phải trả dài hạn khác	333	24	12.883.951.534	14.644.254.120
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.847.346.772	172.101.240
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.349.016.860.086	2.247.569.743.246
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	1.349.016.860.086	2.247.569.743.246
1. Vốn điều lệ	411		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.493.439.505	2.610.910.700
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6.329.814.592	6.329.814.592
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(661.806.394.011)	238.629.017.954
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.844.435.250.130	2.951.825.448.963

Trần Thị Liệu
Người lập biểu/
Quyền Kế toán trưởng

Ngày 06 tháng 7 năm 2015

Hoàng Thị Thu Hằng
Phó Tổng Giám đốc




Hà Trọng Nam
Chủ tịch Hội đồng Quản trị


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2014	2013
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		76.896.396.396	83.584.692.872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		596.725.082	23.351.950
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	76.299.671.314	83.561.340.922
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	55.370.449.395	57.605.717.748
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		20.929.221.919	25.955.623.174
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	112.848.520.538	396.396.266.894
7. Chi phí tài chính	22	29	253.050.926.561	171.145.001.717
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.987.920.795	94.771.885.748
8. Chi phí bán hàng	24		-	123.827.273
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		638.450.127.260	10.172.961.003
10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(757.723.311.364)	240.910.100.075
11. Thu nhập khác	31		139.011.300	812.011.822
12. Chi phí khác	32		2.105.466.746	226.594.547
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.966.455.446)	585.417.275
14. Tổng (Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(759.689.766.810)	241.495.517.350
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	-	56.616.973.605
16. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	18	(2.474.993.342)	(3.374.336.758)
17. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(757.214.773.468)	188.252.880.503


Trần Thị Liệu
Người lập biểu/
Quyền Kế toán trưởng


Hoàng Thị Thu Hằng
Phó Tổng Giám đốc


Hà Trọng Nam
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ngày 06 tháng 7 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(759.689.766.810)		241.495.517.350	
2. Điều chỉnh cho các khoản					
- Khấu hao tài sản cố định	02	361.265.117		88.363.618	
- Các khoản dự phòng	03	859.224.287.496		13.445.895.154	
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(112.848.520.538)		(240.420.957.158)	
- Chi phí lãi vay	06	21.987.920.795		94.771.885.748	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.035.186.060		109.380.704.712	
- Thay đổi các khoản phải thu	09	199.626.412.583		(83.340.748.915)	
- Thay đổi hàng tồn kho	10	6.351.338.879		(30.060.529.141)	
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.947.913.600)		(164.551.480.682)	
- Thay đổi chi phí trả trước	12	577.490.336		17.174.930.113	
- Tiền lãi vay đã trả	13	(16.086.651.752)		(100.277.332.880)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(40.692.789.671)		(30.858.630.805)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-		5.666.945.572	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(203.306.912)		(226.933.054)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	155.659.765.923		(277.093.075.080)	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(132.110.358.646)		(852.793.216)	
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(65.500.000.000)		(379.800.000.000)	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	234.800.000.000		637.733.533.035	
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-		(868.077.155.714)	
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	60.000.000		82.572.869.863	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	56.922.978.982		91.336.205.290	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	94.172.620.336		(437.087.340.742)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông	31	-		1.000.000.000.000	
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	35.000.000.000		441.100.000.000	
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(279.956.420.429)		(695.326.120.000)	
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-		(80.000.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(244.956.420.429)		665.773.880.000	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	4.875.965.830		(48.406.535.822)	
Tiền đầu năm	60	23.369.869.763		71.776.405.585	
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	28.245.835.593		23.369.869.763	


Trần Thị Liệu
Người lập biểu/
Quyền Kế toán trưởng

Ngày 06 tháng 7 năm 2015


Hoàng Thị Thu Hằng
Phó Tổng Giám đốc



Hà Trọng Nam
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 02 năm 2015 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 0403000464 ngày 24 tháng 7 năm 2006). Vốn điều lệ của Công ty là 2.000 tỷ đồng, tổng số cổ phiếu là 200.000.000 với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã cổ phiếu là OCH.

Công ty có Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0800338870-001 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2010, thay đổi lần 2 ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 62 người (31 tháng 12 năm 2013: 50 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán); Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar); Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Mua bán lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến thực phẩm; Kinh doanh bất động sản; Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa; Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi; Tư vấn lập dự án xây dựng các công trình công nghiệp, nhà ở và công trình công cộng; Thiết kế kỹ thuật (không bao gồm thiết kế công trình và thiết kế quy hoạch xây dựng); Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Thiết kế hệ thống cấp thoát nước - môi trường nước; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014
	(Số năm)
Thiết bị văn phòng	05 - 08
Phương tiện vận tải	10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Đối với các bất động sản mà Công ty được chia sẻ lại từ chủ đầu tư thông qua các hợp đồng mua bán bất động sản và ủy quyền bán, Công ty thực hiện bán cho các nhà đầu tư khác cũng bằng hình thức hợp đồng mua bán bất động sản, chia sẻ lại cho nhà đầu tư khác phần bất động sản đã ký hợp đồng mua bán và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích phát sinh có liên quan cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, căn cứ theo giá trị hợp đồng và tiến độ thanh toán (tối đa bằng số tiền thu được) của các nhà đầu tư khác tương ứng với các giai đoạn thực hiện của dự án, Công ty ghi nhận doanh thu chuyển nhượng bất động sản. Đồng thời, giá vốn chuyển nhượng bất động sản cũng được xác định tương ứng căn cứ vào hợp đồng mà Công ty đã ký kết với chủ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu lãi tiền gửi, lãi từ các khoản đầu tư

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	439.637.795	1.391.087.144
Tiền gửi ngân hàng	27.806.197.798	21.978.782.619
	<u>28.245.835.593</u>	<u>23.369.869.763</u>

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An	-	73.493.549.831
Bà Hứa Thị Bích Hạnh (i)	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (ii)	-	158.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	12.000.000.000
	<u>40.000.000.000</u>	<u>283.893.549.831</u>

(i) Phản ánh khoản tiền chuyển cho bà Hứa Thị Bích Hạnh theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 3 năm 2012. Hợp đồng này đã quá hạn từ ngày 31 tháng 3 năm 2015.

(ii) Phản ánh các khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương vay. Các khoản vay đã được tất toán trong quý 1 năm 2014.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch vụ Hương Việt (i)	-	301.763.750.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	3.232.725.439	127.068.588
Khách hàng khác	7.942.794.117	8.722.428.190
	<u>11.175.519.556</u>	<u>310.613.246.778</u>

(i) Phải thu theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Bất động sản Việt Bắc ký kết trong năm 2013. Ngày 10 tháng 01 năm 2014, Công ty đã thu hồi được toàn bộ số công nợ nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần PVI	-	24.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Du lịch và Xúc tiến đầu tư Viptour (i)	38.567.900.000	38.567.900.000
Nhà cung cấp khác	267.263.587	182.736.400
	<u>38.835.163.587</u>	<u>62.750.636.400</u>

- (i) Khoản trả trước cho Công ty TNHH Một thành viên Du lịch và Xúc tiến đầu tư Viptour với số tiền 38.567.900.000 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện khoản đặt cọc theo Hợp đồng số 05/HĐCN/OCH-VIPTOUR ngày 16 tháng 5 năm 2012 về việc chuyển nhượng 4.055.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour-Togi, công ty con của Công ty. Tại ngày lập báo cáo, Ban Giám đốc Công ty đang tiến hành các thủ tục để tham gia đấu thầu số cổ phiếu này theo quy định của Nhà nước.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ông Hà Trọng Nam (i)	128.161.447.928	104.460.059.041
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (ii)	-	51.152.163.350
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (iii)	14.251.655.450	10.677.540.619
Bà Hứa Thị Bích Hạnh (iv)	15.679.166.668	10.943.055.555
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang (v)	178.632.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An (vi)	8.093.549.831	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	32.834.727	4.980.584.722
Phải thu khác	312.400.000	319.532.500
	<u>345.163.054.604</u>	<u>182.532.935.787</u>

- (i) Là khoản lãi tính trên khoản ứng trước cho ông Hà Trọng Nam (bên liên quan của Công ty) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 như trình bày tại Thuyết minh số 12 (i).
- (ii) Số dư tại ngày 31/12/2013 là khoản phải thu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam liên quan đến chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An theo Biên bản thanh lý về việc hoàn thành giao dịch của hợp đồng đặt cọc và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 20 tháng 12 năm 2013 và đã thanh toán xong trong năm 2014.
- (iii) Là khoản lãi phải thu của khoản cho Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ vay theo Hợp đồng vay vốn số 30/2011/OCH-SM ngày 19 tháng 8 năm 2011 như đã trình bày tại Thuyết minh số 15.
- (iv) Là khoản phải thu bà Hứa Thị Bích Hạnh về tiền lãi theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 3 năm 2012 như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 (i).
- (v) Là khoản phải thu lại tiền đặt cọc với giá trị 162.000.000.000 VND và lãi tiền đặt cọc, lãi phạt chậm trả với giá trị 16.632.000.000 VND theo Thỏa thuận đặt cọc ngày 13 tháng 01 năm 2014 đã được thanh lý theo biên bản thanh lý ngày 30 tháng 3 năm 2014.
- (vi) Phản ánh giá trị khoản phải thu liên quan đến việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Dự phòng khoản phải thu ông Hà Trọng Nam	128.161.447.928	-
	<u>128.161.447.928</u>	<u>-</u>

11. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	105.334.737	-
Công cụ, dụng cụ	117.905.556	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	217.482.477.580	246.147.641.181
Hàng hóa bất động sản đầu tư (ii)	22.090.584.429	-
	<u>239.796.302.302</u>	<u>246.147.641.181</u>

- (i) Phản ánh giá trị quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng lũy kế của dự án Saigon Airport Plaza theo Hợp đồng chuyển nhượng với Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Gia với tổng số tiền là 217.482.477.580 VND. Công ty sẽ tiến hành chuyển nhượng giá trị quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng nói trên cho bên thứ ba trong tương lai. Hiện tại, quyền sử dụng đất của dự án đang được thế chấp để bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và dịch vụ Đại dương xanh theo Hợp đồng hợp tác đầu tư.
- (ii) Giá trị trích trước các căn hộ đã nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Sao Hùm Nha Trang theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền kinh doanh, khai thác và sử dụng phòng khách sạn số 0109/HĐCN/2012-SCNT/SH-OCH ngày 01 tháng 9 năm 2012.

12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác phản ánh các khoản tiền đã chi để Công ty thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản. Chi tiết như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	100.000.000.000
Ông Hà Trọng Nam (i)	500.000.000.000	500.000.000.000
Khác	6.255.083.564	6.255.083.564
	<u>506.255.083.564</u>	<u>606.255.083.564</u>
<i>Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi</i>	<i>(500.000.000.000)</i>	-
	<u>6.255.083.564</u>	<u>606.255.083.564</u>

- (i) Khoản ứng trước cho ông Hà Trọng Nam (bên liên quan của Công ty) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 về việc Công ty nhận chuyển nhượng 634.700 cổ phần của Công ty Cổ phần Trảng Tiền từ nhóm cổ đông. Tại ngày 05 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký phụ lục hợp đồng số 05 với ông Hà Trọng Nam, theo đó, hai bên thỏa thuận dừng thực hiện chuyển nhượng cổ phần và ông Hà Trọng Nam có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ gốc và lãi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày ký kết Phụ lục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Ngày năm quyền kiểm soát (i)	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2014 VND	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư	31/12/2009	172.928.550.363	172.928.550.363
Công ty Cổ Phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	08/4/2011	47.209.238.000	47.209.238.000
Công ty Cổ Phần Tân Việt	23/5/2011	109.493.338.104	109.493.338.104
Công ty Cổ phần Bánh Givral	29/12/2011	323.400.000.000	323.400.000.000
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	01/4/2013	246.832.000.000	246.832.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	30/9/2013	47.000.000.000	47.000.000.000
Công TNHH MTV Tân Đại Dương	26/7/2013	-	30.000.000
Công TNHH MTV Đại Dương Xanh	25/7/2013	-	30.000.000
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	01/7/2014	100.000.000.000	-
		1.046.863.126.467	946.923.126.467

- (i) Là ngày Công ty bắt đầu nắm giữ quyền kiểm soát của các công ty con sau khi đã mua số cổ phần chi phối các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ tại ngày 31/12/2014 (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	Quảng Nam	74	74	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	Quảng Ninh	83	83	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Tân Việt	Nha Trang	51,42	51,42	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Thành phố Hồ Chí Minh	98	98	Sản xuất, kinh doanh các loại bánh từ bột, cacao, sôcôla và mứt kẹo;
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	Hà Nội	80	80	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	Hà Nội	94	94	Truyền thông
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	Nha Trang	100 (*)	100	Kinh doanh khách sạn

(*) Phản ánh tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4201214168 thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Công ty nhận chuyển nhượng 90% quyền sở hữu tại Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương, 10% quyền sở hữu còn lại Công ty đang hoàn thiện các thủ tục để nhận chuyển nhượng từ một bên khác tại ngày lập báo cáo.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	32.762.945.282	32.762.945.282
	32.762.945.282	32.762.945.282

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ đến ngày 31/12/2014 (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	Nghệ An	49,50	49,50	Kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế; cho thuê văn phòng

Tại ngày 22 tháng 5 năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông đang nắm giữ cho một bên thứ ba như đã trình bày tại Thuyết minh số 33.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty TNHH VNT (ii)	204.000.000.000	74.000.000.000
Công ty Cổ phần Đại Dương Thăng Long (i)	116.000.000.000	116.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Kinh doanh Công trình Công nghiệp Việt-Sing (iii)	53.684.974.576	55.326.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (iv)	33.920.244.101	32.420.244.101
Công ty Cổ phần Fafilm Việt Nam (i)	18.563.678.800	18.563.678.800
Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội (i)	11.430.000.000	11.430.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng và Vật liệu xây dựng (i)	4.423.700.000	4.423.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư THT Việt Nam (i)	3.000.050.000	3.000.050.000
Công ty Cổ phần Truyền thông và Máy tính Việt Nam (i)	-	3.341.800.000
	<u>445.022.647.477</u>	<u>318.505.472.901</u>

- (i) Phản ánh khoản đầu tư mua cổ phần của các công ty này.
- (ii) Phản ánh khoản hợp tác đầu tư với Công ty TNHH VNT theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 3008/2013/HTĐT/VNT-OCH ngày 30 tháng 8 năm 2013 để thực hiện Dự án Khu số 1 thuộc khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang. Tại ngày lập báo cáo, Ban Giám đốc Công ty vẫn đang yêu cầu Công ty TNHH VNT cung cấp thông tin và tài liệu về giao dịch này.
- (iii) Phản ánh khoản tiền chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Kinh doanh Công trình Công nghiệp Việt-Sing theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2013/HTĐT/VS-OCH ngày 17 tháng 10 năm 2013 để thực hiện Dự án Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.
- (iv) Phản ánh khoản tiền cho Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (công ty con của Công ty) vay theo hợp đồng vay vốn, tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là giá trị Khách sạn Suối Mơ tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

16. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	24.900.000.000	24.900.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	18.716.680.287	19.628.461.410
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư	172.928.550.363	24.520.771.689
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	13.585.658.072	-
Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang	70.000.000.000	-
Các khoản đầu tư khác	2.360.982.566	2.379.798.621
	<u>302.491.871.288</u>	<u>71.429.031.720</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	1.492.976.430	384.360.603
Tăng trong năm	1.533.708.638	2.897.146.985
Phân bổ vào chi phí trong năm	(2.127.961.474)	(1.788.531.158)
Tại ngày cuối năm	<u>898.723.594</u>	<u>1.492.976.430</u>

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	3.374.336.758	-
Chi phí chưa được trừ cho mục đích tính thuế	2.474.993.342	3.374.336.758
Tại ngày cuối năm	<u>5.849.330.100</u>	<u>3.374.336.758</u>

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (i)	-	57.095.206.213
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư (ii)	13.908.785.784	-
Công ty Cổ phần Bánh Givral (iii)	155.000.000.000	140.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (iv)	-	216.770.000.000
	<u>168.908.785.784</u>	<u>413.865.206.213</u>

- (i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh giá trị khoản vay dài hạn đến hạn trả theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 30/UTĐT-OCH ngày 21 tháng 4 năm 2011. Khoản vay đã được tất toán trong năm 2014.
- (ii) Phản ánh giá trị khoản vay theo Hợp đồng số 18/2014/HĐVV/OCH-IOC ngày 28 tháng 4 năm 2014 với Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư với lãi suất 11%/năm.
- (iii) Phản ánh khoản vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Bánh Givral theo Hợp đồng cho vay số 02/2013/HĐCV/GIVRAL-OCH ngày 04 tháng 11 năm 2013 với lãi suất 11%/năm.
- (iv) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh giá trị trái phiếu Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam theo Hợp đồng mua bán trái phiếu số 01/2010/HĐMB-TP-PNB-OCH ngày 28 tháng 10 năm 2010. Trong quý I năm 2014, Công ty đã thanh toán phần gốc còn lại với số tiền là 216.770.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	24.120.000.000
Đối tượng khác	16.519.999	-
	<u>16.519.999</u>	<u>24.120.000.000</u>

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	90.715.812
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	30.222.058.707
	<u>-</u>	<u>30.312.774.519</u>

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.609.599.737	15.870.796.481
Chi phí phải trả khác	2.572.040.712	1.164.384.421
	<u>22.181.640.449</u>	<u>17.035.180.902</u>

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Bà Hứa Thị Bích Hạnh (i)	116.504.288.300	116.504.288.300
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	-	45.400.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Nhật Minh	-	20.000.000.000
Cổ tức năm 2013 chưa trả	140.000.000.000	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2013	120.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	1.555.004.285	201.013.363
	<u>258.179.292.585</u>	<u>182.105.301.663</u>

(i) Khoản phải trả bà Hứa Thị Bích Hạnh về số tiền bà Hạnh đã trả cho Công ty liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng quyền góp vốn vào dự án SaiGon Airport Plaza. Trong năm 2014, quyền góp vốn vào dự án này đã được bà Hứa Thị Bích Hạnh chuyển cho một bên thứ ba.

24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản tiền nhận ứng trước của các cá nhân theo hợp đồng góp vốn đầu tư bất động sản vào Dự án Khách sạn Sao Hôm Nha Trang (Starcity Nha Trang) tại 72-74 đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	1.000.000.000.000	685.356.785	5.046.111.982	135.630.947.891	1.141.362.416.658
Tăng vốn trong năm	1.000.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	188.252.880.503	188.252.880.503
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	(80.000.000.000)	(80.000.000.000)
Phân phối lợi nhuận năm 2012	-	1.925.553.915	1.283.702.610	(5.254.810.440)	(2.045.553.915)
Số dư tại ngày 01/01/2014	2.000.000.000.000	2.610.910.700	6.329.814.592	238.629.017.954	2.247.569.743.246
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(757.214.773.468)	(757.214.773.468)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	(140.000.000.000)	(140.000.000.000)
Phân phối lợi nhuận năm 2013	-	1.882.528.805	-	(3.320.298.969)	(1.437.770.164)
Khác	-	-	-	99.660.472	99.660.472
Số dư tại ngày 31/12/2014	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(661.806.394.011)	1.349.016.860.086

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2014, Công ty thông qua phương án chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ 7% vốn điều lệ tương đương với 140 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cổ tức được chia vẫn chưa được thanh toán. Đồng thời, Công ty tiến hành trích Quỹ dự phòng tài chính với tỷ lệ 1%, quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 0,7% tính trên lợi nhuận sau thuế năm 2013 và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc với số tiền tương ứng là 1.882.528.805 VND, 1.317.770.164 VND và 120 triệu VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 02 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 2.000 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	1.334.612.100.000	66,73%	1.500.000.000.000	75,00%
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương	122.198.680.000	6,11%	119.453.680.000	5,97%
Các cổ đông khác	543.189.220.000	27,16%	380.546.320.000	19,03%
	2.000.000.000.000	100%	2.000.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ (Tiếp theo)

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.000.000	200.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	200.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND.

26. DOANH THU - GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.896.396.396	83.584.692.872
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	64.707.166.752	56.475.754.964
- Doanh thu nhượng quyền kinh doanh bất động sản	12.189.229.644	27.108.937.908
Các khoản giảm trừ doanh thu	(596.725.082)	(23.351.950)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.299.671.314	83.561.340.922
Giá vốn hàng hóa bán ra và dịch vụ cung cấp	55.370.449.395	57.605.717.748
- Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	48.506.980.695	42.061.185.278
- Giá vốn nhượng quyền kinh doanh bất động sản	6.863.468.700	15.544.532.470

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	433.689.058	228.866.933
Chi phí nhân công	14.743.296.362	5.407.532.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	361.265.117	88.363.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.715.742.986	44.295.959.262
Chi phí khác	630.497.227.439	2.337.250.964
	686.751.220.962	52.357.973.554

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.448.822.651	16.533.369.965
Lãi từ hoạt động đầu tư	601.524.000	245.203.019.177
Trong đó:		
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Sài Gòn-Givral	-	110.909.079.126
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An	-	40.566.466.965
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Bất động sản Việt Bắc	-	93.727.473.086
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	601.524.000	-
Cổ tức, lợi nhuận nhận được	23.964.785.000	30.484.617.285
Doanh thu hoạt động tài chính khác	75.833.388.887	104.175.260.467
	<u>112.848.520.538</u>	<u>396.396.266.894</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	21.987.920.795	94.771.885.748
Dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	231.062.839.568	13.445.895.154
Chi phí tài chính khác	166.198	679.384.165
Chi phí sử dụng vốn phải trả cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (i)	-	62.247.836.650
	<u>253.050.926.561</u>	<u>171.145.001.717</u>

(i) Phản ánh chi phí liên quan đến việc nhận chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An, giao dịch này đã được hoàn thành trong năm 2013.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(759.689.766.810)	241.495.517.350
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(23.964.785.000)	(30.484.617.285)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ thuế	2.006.123.937	15.456.994.353
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(781.648.427.873)	226.467.894.418
Trong đó:		
- Thu nhập chuyển nhượng bất động sản	-	80.594.739.620
- Lãi từ hoạt động kinh doanh	(781.648.427.873)	-
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	56.616.973.605

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	168.908.785.784	413.865.206.213
Trừ: Tiền	28.245.835.593	23.369.869.763
Nợ thuần	140.662.950.191	390.495.336.450
Vốn chủ sở hữu	<u>1.349.016.860.086</u>	<u>2.247.569.743.246</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,10</u>	<u>0,17</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	28.245.835.593	23.369.869.763
Phải thu khách hàng và phải thu khác	234.432.209.796	499.401.266.129
Đầu tư ngắn hạn	40.000.000.000	283.893.549.831
Đầu tư dài hạn	<u>442.661.664.911</u>	<u>316.125.674.280</u>
Tổng cộng	<u>745.339.710.300</u>	<u>1.122.790.360.003</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	168.908.785.784	413.865.206.213
Phải trả người bán và phải trả khác	299.392.847.591	215.831.000.008
Chi phí phải trả	22.181.640.449	17.035.180.902
Tổng cộng	<u>490.483.273.824</u>	<u>646.731.387.123</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty biến động như sau:

	<u>Tăng/(Giảm)</u> <u>số cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi</u> <u>nhuận trước thuế</u> <u>VND</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	-
VND	-200	-
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	+200	(1.141.904.124)
VND	-200	1.141.904.124

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ... Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền	28.245.835.593	-	28.245.835.593
Phải thu khách hàng và phải thu khác	228.177.126.232	6.255.083.564	234.432.209.796
Đầu tư ngắn hạn	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	442.661.664.911	442.661.664.911
Tổng cộng	296.422.961.825	448.916.748.475	745.339.710.300
31/12/2014			
Các khoản vay	168.908.785.784	-	168.908.785.784
Phải trả người bán và phải trả khác	286.508.896.057	12.883.951.534	299.392.847.591
Chi phí phải trả	22.181.640.449	-	22.181.640.449
Tổng cộng	477.599.322.290	12.883.951.534	490.483.273.824
Chênh lệch thanh khoản thuần	(181.176.360.465)	436.032.796.941	254.856.436.476

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền	23.369.869.763	-	23.369.869.763
Phải thu khách hàng và phải thu khác	493.146.182.565	6.255.083.564	499.401.266.129
Đầu tư ngắn hạn	283.893.549.831	-	283.893.549.831
Đầu tư dài hạn	-	316.125.674.280	316.125.674.280
Tổng cộng	800.409.602.159	322.380.757.844	1.122.790.360.003
31/12/2013			
Các khoản vay	413.865.206.213	-	413.865.206.213
Phải trả người bán và phải trả khác	201.186.745.888	14.644.254.120	215.831.000.008
Chi phí phải trả	17.035.180.902	-	17.035.180.902
Tổng cộng	632.087.133.003	14.644.254.120	646.731.387.123
Chênh lệch thanh khoản thuần	168.322.469.156	307.736.503.724	476.058.972.880



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư	Công ty con
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	Công ty con
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	Công ty con
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát Triển Giảng Võ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	Công ty trong cùng Tập đoàn
Ông Hà Trọng Nam	Quyền Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Bánh Givral	3.339.317.590	2.654.863.712
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	857.934.514	606.050.243
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	9.810.319.852	9.338.207.851
Công ty TNHH Phát Triển Giảng Võ	687.272.728	877.243.637
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương	21.743.167.186	21.738.850.079
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	3.238.188.106	2.552.377.743
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	976.424.169	1.937.432.296
Công ty Cổ phần Tân Việt	127.272.728	127.272.727
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	8.660.418.301	1.096.197.112
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	24.383.804.296	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	111.153.250	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	1.152.501.134	-
Công ty Cổ phần Tân Việt	20.083.602	-
Công ty Cổ phần Bánh Givral	325.714.772	-
Công ty TNHH Phát triển Giảng Võ	323.436.952	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	12.336.088	-
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	4.036.365	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	19.135.390	-
Đầu tư vào công ty con		
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	-	47.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối mơ	-	2.000.000.000
Công ty TNHH VNT	-	74.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Bánh Givral	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	30.000.000.000	178.400.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	4.000.000.000	31.800.000.000
Lãi vay thu từ giá trị tiền ứng trước		
Ông Hà Trọng Nam	59.201.388.887	69.704.861.113
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	4.980.584.722
Các khoản cho vay		
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối mơ	1.500.000.000	-
Lãi thu được từ cho vay		
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	3.739.096.909	4.272.676.032
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	3.808.500.000	-
Công ty TNHH MTV Sao Hóm Nha Trang	9.108.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	30.000.000	-
Lãi thu được từ tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	135.102.992	3.407.354.980
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	-	8.111.600.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	1.400.000.000
Công ty Cổ phần Tân Việt	8.741.808.000	14.204.255.285
Công ty Cổ phần Bánh Givral	15.005.760.000	6.468.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Các khoản đi vay		
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	-	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	33.178.209.644	81.600.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	150.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	-	62.500.000.000
Công ty Cổ phần Bánh Givral	15.000.000.000	140.000.000.000
Trả nợ vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	57.095.206.213	4.096.120.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	6.091.214.216	148.500.000.000
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	-	47.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	150.000.000.000
Thu cho vay		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	4.000.000.000	-
Chi phí lãi vay và lãi tiền gửi Công ty phải trả cho		
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	1.125.264.909	5.480.371.302
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	6.157.762.501
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	-	2.283.513.889
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	3.620.401.227	7.637.367.801
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	-	1.610.980.775
Công ty Cổ phần Bánh Givral	16.127.222.223	2.395.555.555
Nhận ký quỹ, ký cược		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	4.501.869.196
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	-	495.790.218
Công ty Cổ phần Bánh Givral	188.356.788	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.192.416.696	1.747.411.769

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Ngân hàng TMCP Đại Dương	684.209.309	7.837.406.252
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	3.232.725.439	127.068.588
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	1.622.573.502	853.157.002
Công ty Cổ phần Bánh Givral	252.282.090	699.099.147
Công ty Cổ phần Truyền Thông Đại Dương	1.330.948.313	2.200.422.926
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Dương	311.482.564	-
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	1.610.383.233	666.655.267
Phải thu khác		
Ông Hà Trọng Nam	128.161.447.928	104.460.059.041
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	14.251.655.450	10.677.540.619
Ngân hàng TMCP Đại Dương	56.800.000	
Công ty TNHH MTV Sao Hóm Nha Trang	178.632.000.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	32.834.727	4.994.750.000
Phải thu dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	-	100.000.000.000
Ông Hà Trọng Nam	500.000.000.000	500.000.000.000
Phải trả cho nhà cung cấp		
Công ty CP Tân Việt	124.972.892	-
Công ty CP Tập đoàn đại dương	11.565.510.332	-
Công ty Cp Truyền thông đại dương	468.936.450	-
Công ty TNHH MTV Sao Hóm Nha Trang	15.452.377.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	3.070.550	-
Công ty TNHH Phát Triển Giảng Võ	25.200.000	-
Các khoản vay		
Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	57.095.206.213
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	13.908.785.784	-
Công ty Cổ phần Bánh Givral	155.000.000.000	140.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán (Tiếp theo):

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Đầu tư dài hạn		
Công ty Cổ phần THT Việt Nam	3.000.050.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối mơ	33.920.244.101	32.420.244.101
Công ty TNHH VNT	204.000.000.000	74.000.000.000
Công ty Cổ phần Đại Dương Thăng Long	116.000.000.000	116.000.000.000
Đầu tư vào Công ty con		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	172.928.550.363	172.928.550.363
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	47.209.238.000	47.209.238.000
Công ty Cổ phần Tân Việt	109.493.338.104	109.493.338.104
Công ty Cổ phần Bánh Givral	323.400.000.000	323.400.000.000
Công ty Cổ phần Viptour Togi	246.832.000.000	246.832.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	47.000.000.000	47.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	32.762.945.282	32.762.945.282
Đầu tư ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	158.400.000.000
Chi phí phải trả		
Công ty Cổ phần Bánh Givral	18.522.777.778	2.395.555.555
Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	2.269.826.626
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	1.086.821.959	5.482.860.191


33. SỰ KIẾN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Tại ngày 22 tháng 5 năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông mà Công ty đang nắm giữ cho một bên thứ ba.


Ngày 19 tháng 6 năm 2015, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2015 thông qua việc miễn tư cách Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của ông Hà Văn Thắm, đồng thời thông qua việc trích lập dự phòng toàn bộ đối với cả khoản gốc và lãi khoản phải thu của ông Hà Trọng Nam và dự phòng toàn bộ đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.


Trần Thị Liệu
Người lập biểu/
Quyển Kế toán trưởng

Ngày 06 tháng 7 năm 2015


Hoàng Thị Thu Hằng
Phó Tổng Giám đốc


Hà Trọng Nam
Chủ tịch Hội đồng Quản trị